

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ - ST

Ngày 11 tháng 9 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triển

Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Hoàng L từ ngày 17/7/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng ngay tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Tình cảm vợ chồng cũng bình thường, đến khoảng tháng 5 năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi uống rượu về còn chửi bới đánh đập chị, anh L không tu trí làm ăn nên mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình đều do chị lo liệu, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 5 năm 2010 do mâu thuẫn căng thẳng chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh L được nữa nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở

thôn C, xã N, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh L.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Hoàng L vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 29/7/2023 anh Phạm Hoàng L trình bày: Anh kết hôn với chị Phan Thị T từ ngày 17/07/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước được khoảng 03 năm thì vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau và không có tiếng nói chung, từ khoảng tháng 5/2010 chị T bỏ về bố mẹ đẻ ở tại xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, còn anh vẫn ở tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường anh đồng ý ly hôn vì anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên anh cũng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Do công việc và điều kiện ở xa nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết vắng mặt anh và anh nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là nơi giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T.

Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Phạm Hoàng L có hai con chung là Phạm Thị Thùy N, sinh ngày 22/7/2008 và Phạm Thị H, sinh ngày 04/7/2010. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh L, còn cháu H đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T và anh L đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và anh L xin được tiếp tục dưỡng và giáo dục cháu N. Chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Phan Thị T và anh Phạm Hoàng L đều thừa nhận không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phạm Hoàng L.

Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thị H, sinh ngày 04/7/2010 và giao cho anh Phạm Hoàng L được tiếp tục

nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thị Thùy N, sinh ngày 22/7/2008 (hiện nay cháu H đang ở cùng chị T và cháu N đang ở cùng anh L). Chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Phan Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn giữa chị và anh Phạm Hoàng L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Phạm Hoàng L có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nhưng anh Phạm Hoàng L có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là nơi giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Phạm Hoàng L là bị đơn nhưng anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Hoàng L là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T kết hôn với anh Phạm Hoàng L và có đăng ký kết hôn ngày 17/07/2007 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Từ tháng 5 năm 2010 do mâu thuẫn càng tăng nên anh chị không chung sống cùng nhau, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã N, còn anh L vẫn ở tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay đã 13 năm vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị Phan Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Phạm Hoàng L, anh L cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly

hôn với chị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh chị là tự nguyện vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Phạm Hoàng L đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 04/7/2010 và Phạm Thị Thùy N, sinh ngày 22/7/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị T còn cháu N đang ở cùng anh L. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của hai bên cũng như nguyện vọng của các con chung, chị T và anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên việc nuôi con chung như hiện nay là phù hợp nên cần được chấp nhận, do vậy căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và giao cho anh Phạm Hoàng L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu N. Chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Phan Thị T và anh Phạm Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phạm Hoàng L.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thị H sinh ngày 04/7/2010, giao cho anh Phạm Hoàng L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thị Thùy N sinh ngày 22/7/2008 (hiện nay cháu H đang ở cùng chị T và cháu N đang ở cùng anh L). Chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Phan Thị T và anh Phạm Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000397 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải